

VÀI NÉT VỀ QUAN HỆ THƯƠNG MẠI HÀN QUỐC – NHẬT BẢN (1991 – 2013)**Cao Nguyễn Khánh Huyền***Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế**Email: khanhhuyencao2109@gmail.com***TÓM TẮT**

Xuyên suốt chiều dài lịch sử, trong mối quan hệ Hàn Quốc – Nhật Bản, vấn đề kinh tế nổi lên như một trong những điểm sáng hiếm hoi trong vô vàn những mâu thuẫn, rào cản từ lịch sử và chính trị. Kể từ thập niên 1990 trở đi, trước những biến động đáng kể của tình hình thế giới và khu vực, đặc biệt là hai sự kiện Chiến tranh lạnh kết thúc (1991) và cuộc khủng hoảng Tài chính – tiền tệ châu Á (1997 – 1998), một mặt có những tác động nhất định đến nền kinh tế của cả Hàn Quốc và Nhật Bản, mặt khác buộc hai quốc gia này phải có sự duy trì và hợp tác chặt chẽ hơn nữa, tiêu biểu là trong lĩnh vực thương mại. Bài viết này tập trung trình bày những nét tiêu biểu nhất trong quan hệ thương mại giữa Hàn Quốc và Nhật Bản từ năm 1991 đến năm 2013, đồng thời đưa ra những đánh giá, nhận xét về quá trình hợp tác song phương giữa hai nước trong lĩnh vực quan trọng này.

Từ khóa : Hàn Quốc; Nhật Bản; quan hệ thương mại.

1. KHÁI QUÁT VỀ QUAN HỆ THƯƠNG MẠI HÀN QUỐC – NHẬT BẢN TRƯỚC NĂM 1991

Có thể thấy, quan hệ kinh tế giữa Hàn Quốc và Nhật Bản nói chung và quan hệ thương mại giữa hai quốc gia này nói riêng trước thời điểm năm 1965 chịu sự chi phối mạnh mẽ của vấn đề chính trị. Trong suốt khoảng thời gian diễn ra hai cuộc Chiến tranh thế giới, bán đảo Triều Tiên đã phải chịu ách áp bức, bóc lột của đế quốc Nhật cả về vật chất lẫn tinh thần, trên phương diện kinh tế lẫn chính trị, xã hội và đứng trước nguy cơ bị đồng hóa về mặt văn hóa. Những “vết thương” từ quá khứ ám ảnh và trở thành rào cản lớn nhất trong quan hệ giữa hai dân tộc. Kể từ khi nhà nước Đại Hàn Dân Quốc ra đời năm 1948 ở phía Nam bán đảo Triều Tiên, mối quan hệ trên mọi phương diện giữa Hàn Quốc và Nhật Bản vẫn ở trong tình trạng đối đầu khi mà tâm lý chống Nhật (Anti Japanese sentiment) lên rất cao.

Tuy nhiên, bước ngoặt trong mối quan hệ Hàn Quốc – Nhật Bản nói riêng và quan hệ kinh tế nói chung đã đến vào tháng 6 năm 1965, khi Hiệp ước về các quan hệ cơ bản giữa Nhật Bản và Hàn Quốc có kèm theo các thỏa thuận bổ sung đã chính thức được ký kết và có hiệu lực 6 tháng sau đó. Hiệp ước này được ví như một cú hích trong mối quan hệ giữa hai nước, bước đầu tiến tới tiến trình bình thường hóa quan hệ ngoại giao sau nhiều năm thù địch. Tháng

3/1966, Hiệp định mậu dịch Nhật – Hàn được ký kết và có hiệu lực tạo đà cho sự phát triển thương mại song phương giữa hai nước. Theo thống kê, năm 1965, xuất khẩu của Hàn Quốc sang Nhật Bản chiếm 25.8% tổng kim ngạch xuất khẩu, năm 1979 đạt 22,3%¹. Bên cạnh đó, Hàn Quốc còn tích cực nhập khẩu các loại máy móc, linh kiện từ Nhật Bản nhằm phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa đất nước, qua đó tiến tới xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển những ngành công nghiệp sản xuất hàng hóa, xuất khẩu, kết cấu hạ tầng, tạo sức bật cạnh tranh lớn trên thị trường quốc tế ở những thị trường có sức mua lớn, nhưng đòi hỏi những quy chuẩn khắt khe về chất lượng hàng hóa như Mỹ và Nhật Bản. Đến thập niên 90, tuy Hàn Quốc thực hiện chính sách đa dạng hóa thị trường nhập khẩu nhằm hạn chế những thâm hụt thương mại quá lớn với Nhật Bản, song đây vẫn là thị trường xuất khẩu chính của Hàn Quốc.

2. QUAN HỆ THƯƠNG MẠI HÀN QUỐC – NHẬT BẢN (1991 – 2013)

Gần ba thập kỷ kể từ khi bình thường hóa quan hệ hai nước vào năm 1965, kinh tế được xem là lĩnh vực quan hệ có nhiều điểm khởi sắc nhất. Từ thập niên 90 trở đi, cùng với sự chấm dứt của Chiến tranh lạnh (1991), các nước đều có những điều chỉnh nhất định trong quyết sách đối nội và đối ngoại, trong đó quan trọng nhất là việc lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm thay cho đối đầu về ý thức hệ chính trị. Mặc dù còn tồn tại nhiều khúc mắc chưa được giải quyết song Hàn Quốc vẫn nỗ lực duy trì mối quan hệ kinh tế tốt đẹp với Nhật Bản.

Nếu như trước đây trong một thời gian dài, Mỹ luôn là đối tác buôn bán lớn và quan trọng số một của Hàn Quốc thì kể từ khi quan hệ Hàn Quốc – Nhật Bản được bình thường hóa, Nhật Bản đã bắt đầu thể hiện vai trò của mình đối với sự phát triển của nền kinh tế Hàn Quốc, nhất là trên lĩnh vực thương mại. Trên thực tế, những hoạt động thương mại giữa Hàn Quốc với Nhật Bản được thúc đẩy mạnh mẽ đặc biệt từ những năm cuối thập niên 80 dưới tác động của sự điều chỉnh tỉ giá ngoại tệ của “bộ ba” yen – dollar – won theo thỏa thuận Plaza năm 1985².

Theo ước tính, khối lượng hàng hóa và dịch vụ hai chiều giữa Hàn Quốc và Nhật Bản đầu thập niên 90 là 14,3 tỉ USD, đến năm 1995 tăng lên 49,7 tỉ USD và còn tiếp tục tăng mạnh trong những năm cuối thế kỷ XX³. Có thể thấy, Hàn Quốc đang ngày càng trở thành một thị trường nhập khẩu quan trọng đối với Nhật Bản. Ngược lại, Nhật Bản vẫn tiếp tục duy trì vị thế đối tác kinh tế quan trọng trong khu vực đối với Hàn Quốc. Các mặt hàng được xuất khẩu sang Nhật Bản kể từ đầu thập niên 90 cho tới năm 2013 chủ yếu vẫn là thực phẩm, hàng dệt may và nguyên liệu dệt, các sản phẩm hóa chất, khoáng sản, kim loại và các sản phẩm kim loại, máy móc, trang thiết bị..., trong đó, máy móc và các chế phẩm công nghiệp là hai mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao nhất. Riêng hạng mục máy móc và các phương tiện giao thông có giá trị xuất

¹ Hoàng Văn Hiến (2001), “Nhân tố Nhật Bản trong sự phát triển kinh tế của Hàn Quốc (1961 – 1993)”, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 5(35), 10 – 2001, tr. 69

² Brian Bridges (1993), *Japan and Korea in the 1990s : from antagonism to adjustment*, Cambridge University Press : tr 93

³ Uk Heo (2014), *South Korea's rise : Economic development, power and foreign relations*, Cambridge University Press : tr 92

khẩu vượt ngưỡng 1 tỷ yên vào các năm 2005 và 2013. Năm 1991, trao đổi thương mại với Nhật Bản chiếm 22% tổng giá trị thương mại của Hàn Quốc. Sự hiện diện của nhân tố Nhật Bản trong sự phát triển của nền thương mại Hàn Quốc thậm chí còn thể hiện đậm nét hơn thông qua các chỉ số về xuất nhập khẩu. Năm 1991, Nhật Bản chiếm đến 26% tổng kim ngạch nhập khẩu của Hàn Quốc ⁴.

Song song với hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu của Hàn Quốc đối với Nhật Bản trong giai đoạn này cũng có sự tăng lên, chủ yếu là do nhu cầu tiêu dùng trong nước của Nhật đối với nhiều loại hàng hóa đa dạng về chất lượng, chủng loại và giá cả cũng như xu thế tất yếu đến từ làn sóng tự do hóa thương mại toàn cầu. Do đó, năm 1994, tổng kim ngạch nhập khẩu của Nhật Bản với Hàn Quốc đạt tới 1,379,825 triệu yên, trong năm tiếp theo đó là 1,622,179 triệu yên, chiếm 42,3% giá trị nhập khẩu của Hàn Quốc với các nước NIE ⁵. Các sản phẩm chủ yếu được xuất khẩu sang Nhật Bản phần lớn là các nguyên liệu thô, khoáng sản... nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất công nghiệp nặng và một số ngành công nghiệp nhẹ khác như các sản phẩm dệt may, thực phẩm, chế biến.... Tóm lại, đến giữa thập niên 90, tổng trao đổi mậu dịch hai chiều hằng năm của hai nước đạt khoảng 48,6 tỉ USD⁶. Hàn Quốc trở thành đối tác thương mại thứ ba của Nhật Bản (sau Mỹ và Trung Quốc) trong khi Nhật Bản là nước đứng thứ hai của Hàn Quốc trong quan hệ mậu dịch. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, trở ngại lớn nhất của nền kinh tế Hàn Quốc là sự thâm hụt mậu dịch. Tháng 7/1993, Bộ Thương mại Công nghiệp và Năng lượng đã công bố kế hoạch 5 năm để giảm thâm hụt mậu dịch kinh niên với Nhật Bản. Mặc dù vậy, quan hệ thương mại giữa Hàn Quốc và Nhật Bản ngày càng phát triển. Năm 1996, thâm hụt mậu dịch của Hàn Quốc với Nhật Bản là 15,6 tỷ USD. Hàn Quốc xuất khẩu sang Nhật Bản tổng số 15,8 tỷ USD, giảm 7,5 % từ năm 1995, trong khi nhập khẩu giảm còn 31,4 tỷ USD⁷.

Có thể thấy, Hàn Quốc đã áp dụng các biện pháp nhằm hạn chế hàng hóa của Nhật Bản thâm nhập vào thị trường nội địa của mình thông qua chính sách đa dạng hóa nhập khẩu. Chính sách này nhằm cân bằng thâm hụt mậu dịch qua việc nhập khẩu từ các quốc gia khác. Đó cũng là biện pháp chủ yếu để Hàn Quốc giảm thâm hụt mậu dịch với Nhật Bản. Tháng 7/1993, Bộ Thương mại Công nghiệp và Năng lượng (MOTIE) Hàn Quốc đã công bố kế hoạch cắt giảm một nửa số hạng mục nhập khẩu từ Nhật Bản vào năm 1998, trong đó có cả việc điều chỉnh các hạng mục cấm nhập khẩu, từ 187 hạng mục xuống còn 162 hạng mục.

Bên cạnh việc tích cực hạn chế thâm hụt mậu dịch từ Nhật Bản, chính phủ Hàn Quốc còn đẩy mạnh các hoạt động xuất khẩu. Một số chuyên gia Hàn Quốc còn nhận định chính sách hướng về xuất khẩu sẽ hiệu quả hơn chính sách hạn chế nhập khẩu.

⁴ Brian Bridges (1993), *Japan and Korea in the 1990s : from antagonism to adjustment*, Cambridge University Press : tr 93

⁵ Hoàng Minh Hằng (2001), *Quan hệ Nhật Bản – Hàn Quốc trong thập niên 90*, Đề tài cấp Viện, Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản, HN : tr 5

⁶ Ngô Xuân Bình, Phạm Quý Long, *Hàn Quốc trên đường phát triển*, NXB Thống Kê, HN: tr 109

⁷ Ngô Xuân Bình, Phạm Quý Long, *Hàn Quốc trên đường phát triển*, NXB Thống Kê, HN: tr 110

Có nhiều ý kiến cho rằng, nếu muốn hạn chế sự thâm hụt thương mại với Nhật Bản, Hàn Quốc cần nỗ lực nhiều hơn nữa về cả chất lượng lẫn số lượng để sản xuất các loại linh kiện bán dẫn, máy móc, thép, thiết bị xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản. MOTIE vạch kế hoạch triển khai cho năm 1996 như một nhiệm vụ cấp bách để thúc đẩy hợp tác công nghiệp giữa Hàn Quốc và Nhật Bản trong việc chế tạo linh kiện vừa và nhỏ để đáp ứng yêu cầu nâng cao lợi thế cạnh tranh. MOTIE còn lập kế hoạch cung cấp thông tin hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang gặp khó khăn trong việc thâm nhập từng bước vào thị trường Nhật Bản do thiếu các thông tin về hệ thống phân phối phức tạp và các kênh bán hàng khác của đất nước này. Cũng từ 1/10/1996 (thời điểm Hàn Quốc gia nhập OECD), Hàn Quốc đã mở thị trường hối đoái Won/Yên nhằm linh động thị trường trong nước và quốc tế hóa đồng tiền nội địa.

Trong những năm 1997 – 1998, do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ ở châu Á, cả Nhật Bản lẫn Hàn Quốc đều lâm vào tình trạng suy thoái kinh tế nặng nề, thương mại hai chiều bị giảm sút đáng kể. Trước tình hình đó, hai bên đã có các cuộc gặp gỡ để tìm ra các biện pháp nhằm hạn chế sự tác động của cuộc khủng hoảng này. Năm 1998, trong chuyến thăm Nhật Bản của Tổng thống Hàn Quốc Kim Dae Jung, hai nước đã ra Tuyên bố chung Nhật – Hàn, xác định việc hướng tới mối quan hệ bền chặt, láng giềng hữu nghị trong thế kỷ XXI⁸. Với tuyên bố này, cả hai bên nhấn mạnh vị trí, tầm quan trọng của nhau trong việc hợp tác trên nhiều lĩnh vực, trong đó có kinh tế “ *Cả hai nhà lãnh đạo nhất trí rằng để duy trì và phát triển một hệ thống kinh tế quốc tế mở và thông thoáng cũng như phục hồi nền kinh tế châu Á đang phải đối mặt với những vấn đề về cấu trúc, cả Nhật Bản và Hàn Quốc cần phải tăng cường hơn nữa mối quan hệ hợp tác kinh tế một cách cân bằng trong bối cảnh mỗi quốc gia đều đang phải nỗ lực vượt qua những khó khăn nhất định về kinh tế*”. Bên cạnh đó, Thủ tướng Obuchi và Tổng thống Kim Dae Jung đều nhất trí “ *tăng cường tham vấn các chính sách kinh tế song phương cũng như đẩy mạnh sự hợp tác về chính sách giữa hai nước trong các diễn đàn đa phương như WTO, OECD và APEC*”⁹. Tháng 3/1999, trong chuyến thăm Hàn Quốc của Thủ tướng Nhật Obuchi, hai bên khẳng định nỗ lực hợp tác trên các lĩnh vực: thúc đẩy đầu tư, hiệp ước thuế, hợp tác trong lĩnh vực quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức vòng đàm phán tiếp theo về gia nhập tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Bên cạnh đó, hai nước còn ký kết Hiệp định đầu tư song phương, thành lập Diễn đàn mậu dịch tự do Hàn Quốc – Nhật Bản để trao đổi ý kiến, ký kết hiệp định hỗ trợ lẫn nhau về thuế quan.

Sau khủng hoảng tài chính – tiền tệ châu Á năm 1997 – 1998, nhằm vực dậy nền kinh tế đang trên đà xuống dốc, Hàn Quốc tích cực điều chỉnh chính sách kinh tế đối ngoại nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Riêng đối với Nhật Bản, Hàn Quốc cũng đã có những bước đi hết sức táo bạo. Mặc dù còn nhiều vướng mắc về các vấn đề lịch sử, song Nhật Bản và Hàn Quốc ngay sau đó vẫn xúc tiến các cuộc thảo luận về hợp tác kinh tế khu vực, tiến tới ký kết Hiệp định thương mại tự do FTA, thiết lập một cơ chế hợp tác kinh tế toàn diện hơn. Chuyến thăm Nhật Bản vào tháng 10/1998 của Tổng thống Hàn Quốc Kim Dae Jung đánh dấu sự hợp

⁸<http://www.mofa.go.jp/region/asia-paci/korea/joint9810.html>

⁹<http://www.mofa.go.jp/region/asia-paci/korea/joint9810.html>

tác song phương thân thiện giữa Hàn Quốc và Nhật Bản, thông qua động thái xúc tiến các cuộc đàm phán thương mại và đầu tư một cách toàn diện. Tháng 3/1999, hai quốc gia này xúc tiến một chương trình nghiên cứu chung về tính khả thi của FTA song phương và đã được Viện các nền kinh tế đang phát triển, Viện Chính sách kinh tế quốc tế Hàn Quốc và Viện Thương mại Nhật Bản nghiên cứu và công bố tính khả thi cao. Mục tiêu của các FTA nhằm xác định các khung chính sách toàn diện cho các hoạt động hội nhập thị trường đầu tư, xúc tiến thương mại, mậu dịch. Theo đó, mậu dịch song phương sẽ được mở rộng thông qua xóa bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan giữa hai nước, giảm giá bán trong nước những mặt hàng nhập khẩu trong các lĩnh vực mà Nhật Bản và Hàn Quốc có lợi thế. Ngược lại, các mặt hàng dân dụng, nhu yếu phẩm, dệt may và các loại máy móc vi tính, kim loại, hóa chất ... đáp ứng nhu cầu từ hai phía cũng sẽ tăng lên. Điều này sẽ góp phần cân bằng xuất – nhập khẩu của hai bên, giúp Hàn Quốc hạn chế được tình trạng thâm hụt mậu dịch với Nhật Bản cũng như tăng khả năng cạnh tranh của các công ty trên trường quốc tế. Tháng 7 năm 1999, phía Hàn Quốc đã bãi bỏ hoàn toàn việc thực hiện chế độ đa phương hóa nhập khẩu, chiến lược mà chính phủ Hàn Quốc từng sử dụng để hạn chế nhập khẩu từ Nhật Bản. Tháng 12 năm 2001, hai nước ký kết Hiệp định đầu tư song phương, trong đó nguyên tắc chủ yếu của Hiệp định là chú trọng tự do hóa đầu tư nước ngoài : *“Hiệp định mới này đảm bảo việc đối xử bình đẳng đối với các nhà đầu tư nước ngoài và trong nước.”*¹⁰

Từ ngày 9 đến ngày 10/7/2002, vòng đàm phán thứ nhất về Hiệp định thương mại tự do FTA giữa Hàn Quốc và Nhật Bản được xúc tiến. Tháng 10 năm 2003, Thủ tướng Nhật Bản Koizumi và Tổng thống Hàn Quốc Roh Moo Hyun đã thỏa thuận những cuộc đàm phán chính thức nhằm ký kết FTA vào cuối năm 2005. Tháng 12 cùng năm, hai bên đã triệu tập cuộc hội đàm cấp chính phủ chính thức đầu tiên về việc ký FTA ở Seoul. Tính đến tháng 11/2004, hai bên đã tổ chức được 6 vòng đàm phán FTA song phương. Tuy nhiên, kết cục của các cuộc đàm phán này đã rơi vào tình trạng bế tắc do những xung đột quan điểm về mức độ mở cửa của thị trường trên lĩnh vực nông sản. Do đó, nếu cả Hàn Quốc và Nhật Bản nếu không mạnh dạn nói lỏng quy chế tăng cường năng lực cạnh tranh, và đưa ra các chính sách hỗ trợ có chiều sâu đối với các lĩnh vực cần được bảo hộ khi FTA bắt đầu có hiệu lực sẽ tạo ra nhiều áp lực cũng như thách thức cho nền kinh tế nội địa.

Bất chấp những khó khăn về đàm phán, kim ngạch ngoại thương giữa hai quốc gia vẫn tiếp tục tăng lên. Năm 2004 đạt 67,845 tỷ USD, tăng gấp hai lần so với năm 1991¹¹.

Riêng năm 2003, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gia công của Hàn Quốc sang Nhật Bản chiếm tới 70%, trong đó sản phẩm công nghiệp nặng đạt trên 10 tỷ USD, kim ngạch xuất

¹⁰ http://www.mofa.go.kr/webmodule/htsboard/template/read/engreadboard.jsp?typeID=12&boardid=302&seqno=295693&c=&t=&pagenum=1&tableName=TYPE_ENGLISH&pc=&dc=&wc=&lu=&vu=&u=&du=

¹¹ Nguyễn Thanh Bình (2006), “Một số nét trong quan hệ ngoại thương Nhật Bản – Hàn Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 4.

khẩu hàng điện tử và chất bán dẫn cũng đạt khoảng 10 tỷ USD¹². Tuy nhiên, tình trạng thâm hụt thương mại của Hàn Quốc với Nhật Bản vẫn tiếp tục tăng theo từng năm. Trong một thập kỷ (1990 – 2000), thâm hụt tăng tương đối chậm song bắt đầu từ năm 2000 đến 2006, con số đó đã tăng một cách nhanh chóng từ 11,36 tỷ USD lên 25,39 tỷ USD. Trong 9 tháng đầu năm 2007 lên tới 21,96 tỷ USD. Năm 2008, thâm hụt khoảng 32,7 tỷ USD¹³.

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 đã có những tác động không nhỏ đến tình hình kinh tế và hợp tác thương mại của Hàn Quốc và Nhật Bản. Mặc dù vậy, trong năm 2008, các hoạt động hợp tác kinh tế giữa Hàn Quốc và Nhật Bản vẫn tiếp tục phát triển tốt đẹp. Ở cấp chính phủ, tháng 10/2008, Hội nghị kinh tế cấp cao Hàn – Nhật lần thứ 7 được tổ chức. Hai bên đã cùng bàn bạc, trao đổi ý kiến về các vấn đề liên quan đến Hiệp định mậu dịch tự do (FTA), chiến lược để đối phó với các vấn đề kinh tế mang tính toàn cầu. Trên cơ sở nhất trí về việc tăng cường các hoạt động đối thoại và giao lưu trong giới doanh nghiệp giữa hai nước, cuộc Hội đàm cấp cao Hàn – Nhật diễn ra vào tháng 2 năm 2008. Từ tháng 4 đến tháng 5/2008, Hội nghị bàn tròn kinh tế Hàn – Nhật được tổ chức với sự có mặt của lãnh đạo giới doanh nghiệp hai nước. Chính phủ hai nước tích cực thúc đẩy các cuộc gặp cấp cao giữa lãnh đạo hai bên vào đầu năm 2009, qua đó nhất trí sẽ mở lại vòng đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế song phương (EPA). Bằng những động thái tích cực kể trên, tổng kim ngạch hoá đơn tiền tệ tối đa giữa Hàn Quốc và Nhật Bản được tăng từ 130 triệu USD lên mức 300 triệu USD (từ tháng 12 năm 2008 đến cuối tháng 4 năm 2009)¹⁴.

Trong năm 2010, nhiều cuộc gặp gỡ giữa lãnh đạo các công ty, đại diện cho doanh nghiệp hai nước vẫn tiếp tục được tiến hành dù còn gặp một số khó khăn, vướng mắc về kinh tế, chính trị. Đáng chú ý là cuộc gặp cấp cao tại Hội nghị Thượng đỉnh Trung – Hàn – Nhật lần thứ 3 được tổ chức tại đảo Jeju – Hàn Quốc. Các bộ trưởng thương mại của Hàn Quốc, Trung Quốc và Nhật Bản ngày 23/5/2010 đã nhất trí hợp tác nhằm tạo ra một khu vực thương mại tự do ba bên.

Trong Tuyên bố chung sau cuộc gặp lần thứ bảy giữa các bộ trưởng tại Seoul (2015), Bộ trưởng Thương mại Hàn Quốc Kim Jong-Hoon cùng người đồng cấp Trung Quốc Trần Đức Minh và Bộ trưởng Thương mại và công nghiệp Nhật Bản Masayuki Naoshima khẳng định sẽ hoàn tất bản nghiên cứu khả thi về việc tạo ra khu vực thương mại trên trong vòng hai năm tới. Tuyên bố nêu rõ các nước khẳng định tầm quan trọng của khuôn khổ đầu tư ba bên và đây sẽ là công cụ để tăng cường hơn nữa quan hệ đối tác kinh tế giữa ba nước¹⁵. Trong khuôn khổ Hội nghị, Hàn Quốc và Nhật Bản đã có một số cuộc gặp song phương để thảo luận các giải pháp thúc đẩy hợp tác, giao lưu kinh tế. Tuy nhiên, các cuộc đàm phán về Hiệp định thương mại tự

¹²Nguyễn Thanh Bình (2006), “Một số nét trong quan hệ ngoại thương Nhật Bản – Hàn Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 4, tr 15.

¹³Số liệu được tổng hợp từ http://kita.org/kStat/byCount_AllCount.do

¹⁴Ngô Hương Lan (2010), “Về quan hệ Nhật Bản – Hàn Quốc hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 1(107)

¹⁵Thông tấn xã Việt Nam (2010), Hàn-Trung-Nhật đẩy mạnh hợp tác thương mại 3 bên, <http://www.vietnamplus.vn/hantrungnhat-day-manh-hop-tac-thuong-mai-3-ben/47847.vnp>, 23/5/2010

do song phương Hàn – Nhật vẫn gặp nhiều trở ngại. Phía Hàn Quốc cho rằng nếu bãi bỏ hàng rào thuế quan sẽ dẫn tới việc các mặt hàng, nguyên vật liệu của Nhật Bản sẽ tràn ngập thị trường Hàn Quốc, do đó sẽ gây ra những khó khăn nhất định cho nền sản xuất nội địa, đồng thời dẫn tới sự gia tăng thâm hụt cán cân thương mại vốn đã rất lớn đối với Nhật Bản. Còn phía Nhật Bản cũng thận trọng về những ảnh hưởng có thể tác động đến các lĩnh vực sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp.

Trong bối cảnh những cuộc đàm phán FTA tiếp tục lâm vào bế tắc, Hàn Quốc, Nhật Bản và các nước liên quan vẫn duy trì việc tổ chức các cuộc đối thoại, hội nghị nhằm giải quyết những bất đồng, trở ngại. Ngày 24 tháng 4, Bộ trưởng Thương mại các nước Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc đã gặp nhau tại thủ đô Tokyo, Nhật Bản để thảo luận về một số vấn đề chung, trong đó hiệp định thúc đẩy đầu tư giữa ba nước. Tại Hội nghị, Bộ trưởng Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản Banri Kaieda đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiếp tục tăng cường hợp tác kinh tế thông qua thương mại và đầu tư giữa ba nền kinh tế hàng đầu khu vực châu Á. Theo hãng tin Kyodo, đại diện đoàn đàm phán các nước Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc đã nhất trí về tầm quan trọng của việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi hàng hóa, đi lại giữa công dân ba nước, nhất trí thúc đẩy đàm phán để sớm ký kết Hiệp định thúc đẩy đầu tư. Cuộc gặp trên nhằm đặt cơ sở cho Hội nghị thượng đỉnh thường niên Nhật – Trung – Hàn dự kiến sẽ được tổ chức tại Tokyo trong hai ngày 21 và 22 tháng 5 năm 2011. Trước cuộc gặp ba bộ trưởng, ông Kaieda đã có các cuộc gặp riêng rẽ với người đồng cấp Hàn Quốc Kim Jong Hoon¹⁶. Những vòng đàm phán tay ba Trung – Nhật – Hàn vẫn tiếp tục được xúc tiến ở cả Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản nhằm thảo luận những vấn đề quan trọng như vấn đề cơ chế, lĩnh vực và phương thức thiết lập FTA. Đặc biệt, trong năm 2013, ba cường quốc kinh tế Đông Á này đã mở ba vòng đàm phán vào tháng 3, tháng 7 và tháng 11 và thu được một số thành tựu nhất định. Tại vòng đàm phán thứ ba diễn ra tại Tokyo vào ngày 29 tháng 11 năm 2013, ba nước đều nhất trí cần kết thúc các cuộc đàm phán này trước khi hết năm 2015, hạn chót phải đạt thỏa thuận mà 16 nước tham gia các cuộc đàm phán tự do thương mại Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) đã đặt ra. Dự kiến, ba nước sẽ tiến hành vòng đàm phán FTA tiếp theo tại Hàn Quốc vào tháng 2 năm 2014¹⁷. Việc tham gia vào một Hiệp định thương mại tự do và tạo ra được một thị trường chung sẽ giúp hồi phục nền kinh tế các quốc gia, đặc biệt là Nhật Bản, Hàn Quốc, hai trong số những quốc gia trong khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề từ cuộc khủng hoảng năm 2008. Tuy nhiên, thực tế cho thấy quá trình đàm phán thành công một FTA sẽ gặp phải rất nhiều rào cản. Bên cạnh những yếu tố bảo hộ mậu dịch tại mỗi nước, những bất đồng và lo ngại của Hàn Quốc đối với Nhật Bản trong nỗ lực cân bằng cán cân xuất nhập khẩu, giám sát thâm hụt thương mại là một trong số những trở ngại lớn nhất. Bên cạnh đó, Hàn Quốc cũng ưu tiên hành trước đàm phán FTA với Trung Quốc, nên mỗi

¹⁶Thông tấn xã Việt Nam (2011), Hội nghị Bộ trưởng Thương mại Nhật-Hàn-Trung, <http://www.vietnamplus.vn/hoi-nghi-bo-truong-thuong-mai-nhathantrung/89238.vnp>, 24/4/2011

¹⁷Thông tấn xã Việt Nam (2013), Nhật-Hàn-Trung đạt một số tiến bộ trong đàm phán FTA, <http://www.vietnamplus.vn/nhathantrung-dat-mot-so-tien-bo-trong-dam-phan-fta/232714.vnp>, 29/11/2013

quan tâm của quốc gia này với FTA tay ba Trung – Nhật – Hàn, đặc biệt với Nhật Bản bị giảm xuống.

3. MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ QUAN HỆ THƯƠNG MẠI HÀN QUỐC – NHẬT BẢN (1991 – 2013)

Từ những diễn biến chính về mối quan hệ thương mại Hàn Quốc – Nhật Bản từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc (1991) cho đến năm 2013, có thể thấy được một số đặc điểm như sau:

Trước hết, có thể thấy, sau Chiến tranh lạnh, quá trình hợp tác kinh tế song phương giữa Hàn Quốc và Nhật Bản có những dấu hiệu hết sức tích cực. Về phía Hàn Quốc, Nhật Bản dần trở thành một trong những đối tác quan trọng nhất sau Mỹ. Bảng 3 cho thấy trong vòng một thập kỷ, cụ thể là qua các năm 1991, 1995, 1999, Nhật Bản là đối tác thương mại lớn thứ hai của Hàn Quốc sau Mỹ. Đặc biệt, trong năm 1995, kim ngạch nhập khẩu từ Nhật Bản của Hàn Quốc đạt 32,606 tỷ USD, vượt qua Mỹ. Bước vào thập niên đầu của thế kỷ XXI, Nhật Bản vẫn giữ vững vị trí hàng đầu trong hạn ngạch nhập khẩu của Hàn Quốc. Mặc dù sau đó bị Trung Quốc vượt qua, song Nhật Bản vẫn duy trì vị thế là một trong những đối tác thương mại hàng đầu của Hàn Quốc.

Bảng 1. Những đối tác thương mại chính của Hàn Quốc từ năm 2000 – 2013

Đơn vị: triệu USD

	Xuất khẩu						Nhập khẩu					
	2000		2010		2013		2000		2010		2013	
	Nước / vùng lãnh thổ	Kim ngạch	Nước / vùng lãnh thổ	Kim ngạch	Nước / vùng lãnh thổ	Kim ngạch	Nước / vùng lãnh thổ	Kim ngạch	Nước / vùng lãnh thổ	Kim ngạch	Nước / vùng lãnh thổ	Kim ngạch
1	Mỹ	37.611	Trung Quốc	116.838	Trung Quốc	145.869	Nhật Bản	31.828	Trung Quốc	71.574	Trung Quốc	83.053
2	Nhật Bản	20.466	Mỹ	49.816	Mỹ	62.052	Mỹ	29.242	Nhật Bản	64.296	Nhật Bản	60.029
3	Trung Quốc	18.455	Nhật Bản	28.176	Nhật Bản	34.662	Trung Quốc	12.799	Mỹ	40.403	Mỹ	41.512
4	Hong kong	10.708	Hong kong	25.294	Hong kong	27.756	Á rập xê út	9.641	Á rập xê út	26.820	Á rập xê út	37.665
5	Đài Loan	8.027	Singapore	15.244	Singapore	22.289	Úc	5.959	Đức	20.456	Qatar	25.874

Nguồn: <http://kita.org/>

Mặt khác, không chỉ Nhật Bản trở thành đối tác thương mại lớn của Hàn Quốc, mà ngược lại, Hàn Quốc cũng đóng góp một phần không nhỏ vào cán cân mậu dịch của Nhật Bản. Bảng 2 dưới đây cho thấy trong số các đối tác thương mại chính của Nhật Bản năm 2002, Hàn Quốc đứng vị trí thứ ba sau Mỹ và Trung Quốc với giá trị xuất khẩu đạt 28,441 tỷ USD, nhập khẩu đạt 15,419 tỷ USD, xuất siêu 13,022 tỷ USD. Tuy nhiên, nếu xét dưới góc độ tăng trưởng, kim ngạch thương mại giữa Nhật Bản với Hàn Quốc mới chỉ bằng ¼ kim ngạch thương mại

giữa Nhật Bản, với Mỹ và chưa bằng một nửa kim ngạch với Trung Quốc. Nguyên nhân chủ yếu là do phía Hàn Quốc vẫn muốn thi hành chính sách hạn chế nhập khẩu từ Nhật Bản nhằm giảm bớt sự thâm hụt cán cân thương mại với quốc gia này. Hơn nữa, các mặt hàng của Hàn Quốc khi thâm nhập vào thị trường nội địa của Nhật Bản mặc dù có chất lượng tương đối tốt, song giá thành cao nên rất khó cạnh tranh với hàng hóa Trung Quốc. Do đó, giá trị thương mại của Nhật Bản với Hàn Quốc không thực sự cao, chỉ chiếm 5,8% tổng giá trị thương mại của Nhật Bản năm 2002, một con số tương đối khiêm tốn so với 23,4% của Mỹ và 13,5% của Trung Quốc.

Bảng 2. Các đối tác thương mại chính của Nhật Bản năm 2002

Đơn vị: triệu USD

STT	Quốc gia	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại	Giá trị thương mại	Tỷ lệ phần trăm
1	Mỹ	118.409	57.616	60.793	176.025	23.4
2	Trung Quốc	39.645	61.522	-21.877	101.167	13.5
3	Hàn Quốc	28.441	15.419	13.022	43.860	5.8
4	Đài Loan	26.122	13.525	12.597	39.647	5.3
5	Hong kong	25.287	1.417	23.807	26.704	3.6

Nguồn: Trade Statistics, Ministry of Finance, Japan

Thứ hai, kim ngạch thương mại của Hàn Quốc với Nhật Bản xuyên suốt từ đầu thập niên 90 cho đến năm 2013 cho thấy Hàn Quốc luôn ở trong tình trạng nhập siêu từ Nhật Bản, cán cân thương mại luôn đạt giá trị âm. Điều này một phần do hình thức mậu dịch của Hàn Quốc với Nhật Bản có nhiều điểm tương đồng, nhưng hàng hóa và dịch vụ của Hàn Quốc lại không thể cạnh tranh được với hàng hóa và dịch vụ của Nhật Bản. Hơn thế nữa, Hàn Quốc cũng phụ thuộc nhiều vào máy móc, trang thiết bị và các linh kiện phục vụ cho quá trình sản xuất từ Nhật Bản. Có một điều dễ nhận thấy rằng giá trị thương mại của Hàn Quốc với Nhật Bản càng lớn thì thâm hụt thương mại càng tăng. Ngoại trừ thời điểm năm 1997 – 1998, do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ châu Á, kim ngạch thương mại song phương giảm mạnh từ 42,678 tỷ USD (1997) xuống còn 29,078 tỷ USD (1998), do đó, thâm hụt thương mại cũng giảm từ -13,136 tỷ USD xuống còn 4,602 tỷ USD. Còn lại, có thể thấy thâm hụt thương mại tăng mạnh theo thời gian, tỷ lệ thuận với sự gia tăng kim ngạch thương mại giữa Hàn Quốc và Nhật Bản. Mức thâm hụt thương mại mở rộng kể từ năm 2002 và có thể chia thành hai giai đoạn: 2003 – 2004 và kể từ 2006 trở đi. Trong giai đoạn đầu tiên, mức thâm hụt chỉ tăng từ 14,713 tỷ USD vào năm 2002 lên 14,621 tỷ USD năm 2005, trong đó nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu. Ở giai đoạn thứ hai, thâm hụt thương mại giữa Hàn Quốc với Nhật Bản tăng đột biến, trong đó nhập khẩu tăng vượt trội còn xuất khẩu thậm chí còn có dấu hiệu suy giảm vào năm 2013, đạt 34,442 tỷ USD, giảm 4,134 tỷ USD so với năm 2012¹⁸. Trên thực tế, mặc dù từ giữa những năm 90, Chính phủ Hàn Quốc đã nỗ lực để giảm bớt những thâm hụt đó thông qua chính sách đa dạng hóa nhập khẩu, tuy nhiên, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng

¹⁸ Xem bảng 3

tài chính năm 1997, với nhu cầu cấp bách là cần tái kiến thiết nền kinh tế, Hàn Quốc buộc phải từ bỏ chính sách đó vào năm 1999, đồng thời tích cực xúc tiến việc ký kết hiệp định song phương với Nhật Bản. Theo số liệu từ ngân hàng Hàn Quốc (Bank of Korea), giá trị thâm hụt thương mại của Hàn Quốc trong vòng 10 năm (tính đến thời điểm năm 2008) đã đạt 174,9 tỷ USD, trong đó, chỉ riêng giá trị thâm hụt với Nhật Bản đã tăng từ 22,1 tỷ USD (2005) lên 25,3 tỷ USD (2008). Tình trạng nhập siêu tính đến hết năm 2013 vẫn tiếp diễn với giá trị thâm hụt ngày càng lớn. Trong năm 2013, tổng kim ngạch thương mại Hàn Quốc – Nhật Bản đạt 94,691 tỷ USD nhưng Hàn Quốc đã nhập siêu 25,367 tỷ USD. Tuy nhiên, nếu đối chiếu với tổng thâm hụt thương mại tích lũy của Hàn Quốc với Trung Quốc và các nước Đông Nam Á trong cùng thời kỳ vẫn thấp hơn với Nhật Bản, lần lượt là 138,9 tỷ USD và 162,9 tỷ USD¹⁹. Năm 2008, Hàn Quốc thậm chí còn xuất siêu 14,459 tỷ USD sang Trung Quốc.

Bảng 3. Kim ngạch thương mại Hàn Quốc – Nhật Bản

Đơn vị: triệu USD

Năm	Xuất khẩu sang Nhật Bản	Nhập khẩu từ Nhật Bản	Cán cân thương mại
1980	3.039	5.858	-2.819
1991	12.356	21.120	-8.764
1995	17.049	32.606	-15.557
1997	14.771	27.907	- 13.136
1998	12.238	16.840	-4.602
1999	15.862	24.142	-8.280
2000	20.466	31.828	-11.362
2005	24.027	38.648	-14.621
2010	28.176	64.296	-36.120
2011	39.680	68.320	-28.640
2012	38.796	64.363	-25.567
2013	34.662	60.029	-25.367

Nguồn: <http://kita.org/>

Thứ ba, trong cơ cấu xuất nhập khẩu giữa hai nước, có thể thấy rằng các mặt hàng được Hàn Quốc nhập khẩu từ Nhật Bản chủ yếu là trang thiết bị, máy móc. Việc nhập khẩu mặt hàng này có sụt giảm vào khoảng thời gian sau cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ châu Á 1997 – 1998, song không đáng kể và tăng trở lại vào những năm đầu của thế kỷ XXI. Bên cạnh đó, kim ngạch của các hạng mục thực phẩm và các mặt hàng công nghiệp nhẹ chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong cơ cấu nhập khẩu của Hàn Quốc từ Nhật Bản (đều dưới 10 tỷ USD).

Về xuất khẩu, dựa vào bảng thống kê các mặt hàng Nhật Bản nhập khẩu từ Hàn Quốc, hay nói cách khác là Hàn Quốc xuất khẩu sang Nhật Bản, có thể thấy được chế phẩm công

¹⁹ Sahil Nagpal, South Korea's trade deficit with Japan snowballs, <http://www.topnews.in/south-koreas-trade-deficit-japan-snowballs-2201723>, 14/08/2009

nghiệp, máy móc và các phương tiện vận tải là hai mặt hàng đạt giá trị nhập khẩu cao nhất của Nhật Bản. Đặc biệt, ở hạng mục máy móc và phương tiện vận tải vượt ngưỡng hơn 1000 tỷ yên vào các năm 2005 và 2013.

Bảng 4. Các mặt hàng Nhật Bản nhập khẩu từ Hàn Quốc

Đơn vị : triệu yên²⁰

Các mặt hàng nhập khẩu	Năm	1991	1995	2000	2005	2010	2013
Thực phẩm & động vật sống		206.949	169.123	181.042	131.329	127.677	150.941
Đồ uống và thuốc lá		1.3165	3.976	11.735	16.020	24.152	41.379
Nguyên liệu thô		38.803	22.473	25.630	37.366	76.332	71.428
Kim loại, Khoáng sản		71.250	79.976	361.647	334.257	323.957	850.580
Hóa chất		83.412	90.838	133.682	238.508	280.195	389.467
Chế phẩm công nghiệp		421.634	327.840	303.862	476.806	517.580	643.575
Máy móc, phương tiện giao thông		288.057	550.284	874.013	1.096.216	921.731	1.106.537
Các sản phẩm khác		537.763	348.695	277.360	273.377	141.933	126.968

Nguồn: http://www.customs.go.jp/toukei/info/index_e.htm

Thứ tư, có thể thấy Hàn Quốc nhập khẩu chủ yếu là linh kiện, máy móc và bán thành phẩm từ Nhật Bản, do đó thâm hụt thương mại của quốc gia này với Nhật Bản có xu hướng gia tăng, nếu các nhà kinh doanh Hàn Quốc tăng cường đầu tư vào sản xuất các sản phẩm có sử dụng nhiều những máy móc và thiết bị, thành phẩm đó để tạo ra các sản phẩm xuất khẩu sang nhóm các nước thứ ba. Nói cách khác, sự tăng trưởng của kim ngạch xuất khẩu của Hàn Quốc ra bên ngoài (bao gồm đối với Nhật Bản) đều tạo ra tính liên đới với sự gia tăng về nhập khẩu các loại nguyên vật liệu, máy móc cần thiết từ Nhật Bản. Thời điểm năm 2002 được xem là thời điểm bùng nổ xuất khẩu của Hàn Quốc, do đó nó tất yếu dẫn đến thâm hụt thương mại giữa Hàn Quốc với Nhật Bản cũng gia tăng theo cấp số nhân. Vì vậy, có thể nhận định rằng khoảng cách về sự thâm hụt thương mại giữa Hàn Quốc và Nhật Bản rất khó lấp đầy bởi tính liên đới như trên. Hơn nữa, sự thâm hụt đó còn phụ thuộc nhiều vào mức dao động của tỷ giá hối đoái Yen – USD – Won. Nếu tỷ giá giữa Yen – USD hay Won – USD thay đổi, giá trị thương mại cũng sẽ thay đổi theo. Ví dụ như kể từ năm 2004, đồng yên Nhật có dấu hiệu suy yếu, trong khi đồng won lên giá. Tỷ giá hối đoái giữa yên và won được thu hẹp đáng kể, trong khi tỷ giá hối đoái yên – USD tăng từ 108,9 năm 2004 lên 110,2 năm 2005 và 116,3 năm 2006 thì tỷ giá sức mua won – yên thay đổi từ 1029,9 xuống 930,7 và 821,5²¹.

²⁰ 100 yen = 1 USD tính theo tỷ giá hiện hành năm 2016

²¹ Đặng Quý Dương (2009), Thấy gì trong thâm hụt thương mại của Hàn Quốc với Nhật Bản trong những năm gần đây, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 1(95).

Tóm lại, có thể thấy quan hệ thương mại giữa Hàn Quốc và Nhật Bản tương đối phát triển, bắt đầu từ thập niên 90 của thế kỷ XX do nhiều yếu tố tác động. Chủ yếu xuất phát từ sự điều chỉnh chiến lược phát triển của mỗi quốc gia, trong đó lợi ích kinh tế được đề cao và trở thành nhân tố chủ đạo cho những quyết sách đối ngoại của từng nước. Nhờ đó, Hàn Quốc mới tích cực và cởi mở hơn trong việc tăng cường thương mại, buôn bán với các nước láng giềng, trong đó có Nhật Bản. Ngược lại, Nhật Bản cũng có cơ hội thâm nhập sâu hơn vào thị trường Hàn Quốc bất chấp những rào cản còn tồn đọng về chính trị.

Trong mối quan hệ này, Hàn Quốc là nước luôn phải nỗ lực để bù đắp sự thâm hụt rất lớn với Nhật Bản. Hiện tượng này xảy ra chủ yếu là do sự chênh lệch về tỷ giá trao đổi ngoại tệ trên trường quốc tế giữa hai nước cũng như sự chênh lệch về trình độ phát triển tại chỗ giữa hai nền kinh tế, buộc Hàn Quốc phải nhập siêu nhiều mặt hàng từ Nhật Bản, đặc biệt là các mặt hàng có giá trị khoa học, kỹ thuật và công nghệ cao mà nền sản xuất nội địa của Hàn Quốc chưa đáp ứng được. Hàn Quốc đã luôn nỗ lực để khắc phục tình trạng thâm hụt thương mại với Nhật Bản thông qua việc cân bằng các hạng mục xuất nhập khẩu giữa hai nước cũng như không ngừng nâng cao khoa học, kỹ thuật công nghệ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thanh Bình (2006). Một số nét trong quan hệ ngoại thương Nhật Bản – Hàn Quốc, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 4.
- [2]. Ngô Xuân Bình, Phạm Quý Long. *Hàn Quốc trên đường phát triển*, NXB Thống Kê, HN.
- [3]. Brian Bridges (1993). *Japan and Korea in the 1990s : from antagonism to adjustment*, Cambridge University Press.
- [4]. Đặng Quý Dương (2009). Thấy gì trong thâm hụt thương mại của Hàn Quốc với Nhật Bản trong những năm gần đây, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 1(95)
- [5]. Hoàng Minh Hằng (2001). *Quan hệ Nhật Bản – Hàn Quốc trong thập niên 90, Đề tài cấp Viện*, Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản, HN.
- [6]. Hoàng Văn Hiến (2001). Nhân tố Nhật Bản trong sự phát triển kinh tế của Hàn Quốc (1961 – 1993), *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 5(35), 10 – 2001.
- [7]. Uk Heo (2014). *South Korea's rise : Economic development, power and foreign relations*, Cambridge University Press.
- [8]. Ngô Hương Lan (2010). Về quan hệ Nhật Bản – Hàn Quốc hiện nay, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 1(107).
- [9]. Sahil Nagpal. South Korea's trade deficit with Japan snowballs, <http://www.topnews.in/south-koreas-trade-deficit-japan-snowballs-2201723>, 14/08/2009.

- [10]. Thông tấn xã Việt Nam (2010) Hàn-Trung-Nhật đẩy mạnh hợp tác thương mại 3 bên, <http://www.vietnamplus.vn/hantrungnhat-day-manh-hop-tac-thuong-mai-3-ben/47847.vnp>, 23/5/2010.
- [11]. Thông tấn xã Việt Nam (2011). Hội nghị Bộ trưởng Thương mại Nhật-Hàn-Trung, <http://www.vietnamplus.vn/hoi-nghi-bo-truong-thuong-mai-nhathantrung/89238.vnp>, 24/4/2011.
- [12]. <http://www.mofa.go.jp/region/asia-paci/korea/joint9810.html>.
- [13]. http://www.mofa.go.kr/webmodule/htsboard/template/read/engreadboard.jsp?typeID=12&boardid=302&sseqno=295693&c=&t=&pagenum=1&tableName=TYPE_ENGLISH&pc=&dc=&wc=&lu=&vu=&iu=&du=
- [14]. <http://kita.org/>

THE TRADE RELATIONSHIP BETWEEN KOREA AND JAPAN (1991 – 2013)

Cao Nguyen Khanh Huyen

Department of History, Hue University College of Sciences

Email: khanhhuyencao2109@gmail.com

ABSTRACT

Regarding to the relationship between Korea and Japan, despite having a great deal of historical and political hindrances, the economic aspect is considered as one of the most outstanding and scarce features. In fact, since 1990s, there have been a lot of significant fluctuations in the world and in Asia areas as well, particularly the end of the Cold War (1991) and the Asian financial crisis (1997 - 1998), which on one hand, affected on both of Korean and Japanese economies; but on the other hand, required these countries to maintain the closer cooperation, especially in trading aspect. This article focuses on representing several highlighted points in trade cooperation between Korea and Japan from 1991 to 2013, as well as making some comments about their bilateral cooperation.

Keywords: Japan; Korea; trade relationship.